

KẾ HOẠCH NĂM HỌC MÀU GIÁO NHỠ NĂM HỌC 2024 – 2025

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
I. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1. Phát triển vận động				
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.				
1	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Thổi bóng... - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với nắm, mở bàn tay). + Co duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi người về phía trước, Ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xõm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. 	1- 9	
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động				
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Đi bằng gót chân + Đi khuyu gối + Đi lùi. + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi trên ghế thể dục 	<p>1</p> <p>3</p> <p>7</p> <p>8</p> <p>9</p>	
3	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	<ul style="list-style-type: none"> + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy chậm 60-80m. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây + Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc + Chạy thay đổi tốc độ theo đường đích dắc 	<p>6</p> <p>2</p> <p>4</p> <p>5</p> <p>9</p> <p>9</p>	
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: <ul style="list-style-type: none"> + Tung bóng lên cao và bắt + Tung bắt bóng với người đối diện 	<p>1</p> <p>4</p>	

	cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	+ Ném xa bằng 1 tay + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Đập bắt bóng tại chỗ	3 5,8 5 7 6	
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Trẻ biết bật qua vật cản, bật xa 35- 40 cm, bật nhảy từ trên cao.	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò dích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng + Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6cm + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghề dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước + Bật xa 35 - 40cm. - Bật tách kép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản 10-15 cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 30-35cm + Nhảy lò cò 3m.	1 4 6,9 5 2,8,9 3,8 7 1 4 6,9 5 6 3	
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt				
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở các ngón tay,	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vẽ, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây	6,7	
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe				
7	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng - Nhận biết, gọi tên một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm	2	

8	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	2,5	
9	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,5	
<i>b. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>				
10	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt, rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào đúng nơi quy định	1-9	
11	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	3	
<i>c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.</i>				
12	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã	1,9 2 8	
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người	- Tập luyện một số thói quen tốt về sức khỏe, lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết, đi giầy, dép khi đi học - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và	2,7	

	<p>lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. 	<p>cách phòng tránh đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định 		
<i>d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>				
14	<p>Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch</p>	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p>	4,5	
15	<p>Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết những nơi, vật dụng nguy hiểm cần tránh xa: Bếp lửa, giếng, ao, hồ, bể nước, hố vôi 	8	
16	<p>Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nếu cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Không ăn thức ăn có mùi ôi thui, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc là không tốt cho sức khỏe - Không tự ý chôn học, ra khỏi trường 	2 1	
17	<p>Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ 	3,7,8	

	<p>cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>			
<p>II. Lĩnh vực phát triển nhận thức</p> <p>1. Khám phá khoa học</p> <p>a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p>				
18	<p>Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?....</p>	<p>- Quan sát phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p>	1-9	
19	<p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận cơ thể</p>	2	
20	<p>Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<p>- Thử nghiệm: Dự đoán, quan sát ghi chép và đưa ra nhận xét</p>	8	
21	<p>Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện</p>	<p>- Thu thập tranh ảnh về các loại động vật khác nhau, chơi chọn tranh hoặc đồ chơi về các con vật theo dấu hiệu cho trước (theo tên gọi hoặc đặc điểm nổi bật)</p>	5	
22	<p>Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu</p>	<p>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 – 2 dấu hiệu</p>	5	

	hiệu			
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản				
23	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo các sự vật hiện tượng gần gũi	8	
24	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Trải nghiệm tiếp xúc với đồ vật, chất liệu bằng các giác quan và đưa ra nhận xét đơn giản hoặc trả lời các câu hỏi của cô	4,5,6,7,8,9	
c. Thể hiện hiểu biết đối tượng bằng các cách khác nhau				
25	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây - So sánh sự giống và khác nhau giữa 2 con vật, cây, hoa, quả	5,6	
26	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Tạo tình huống cho trẻ trải nghiệm qua các trò chơi đóng vai - Trẻ hát các bài hát - Làm đồ chơi xé, vẽ, dán, nặn, ghép hình cây cối, con vật	3-9	
2. Khám phá xã hội				
a. Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng				
27	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	-Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2	
28	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.	3	
29	Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được địa chỉ gia đình.	3	

30	Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp.	1	
31	Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1	
32	Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
b.Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương				
33	Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương	4	
c.Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.				
34	Kể tên và nói đặc điểm của một số lễ hội.	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội - Biết ngày tết trung thu - Trẻ trải nghiệm ngày 20/11 - Biết ngày 22/12 của các chú bộ đội - Trẻ biết về ngày tết nguyên đán - Biết ngày 8/3 - Biết ngày tết thiếu nhi 1/6.	1,3,4,9	
35	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Trẻ trải nghiệm thăm dò A1	9	
3.Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
a. Nhận biết số đếm, số lượng				
36	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: ” Bao nhiêu?”” Là số mấy?”	- Trẻ nhận biết các chữ số và số lượng xung quanh	1-9	

37	Đếm số lượng trong phạm vi 10 So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 8, NB nhóm đối tượng có số lượng là 8 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 9, NB nhóm đối tượng có số lượng là 9 - Đếm và nhận biết số 10	3,4,6,7,9	
38	Gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	- Tách gộp trong phạm vi 5	3,4,5	
39	Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	1-9	
40	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...)	3,7	
b. Sắp xếp theo quy tắc				
41	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối - tượng và sao chép lại	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc	5	
c. So sánh hai đối tượng				
42	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài 1 vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo	8	
d. Nhận biết hình dạng				
43	Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự giống và khác nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật	6	
44	Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chắp ghép các hình học để tạo ra các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	1	
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian				
45	Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước	2, 3	

	vị trí của đồ vật so với người khác.	- phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái)		
46	Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.như: Lũ lụt, sạt lở, mưa đá - Trẻ biết tìm nơi an toàn khi có mưa bão, sấm sét - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Một bài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Lợi ích của nước đối với đời sống con người, con vật, cây - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây. 	8	
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ				
1. Nghe hiểu lời nói				
47	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu các câu đơn, câu phức, câu mở rộng	5,6	
48	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. 	3	
49	Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. 	2, 4->9	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày				
50	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó	7,9	
51	Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.	7	

52	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép câu khẳng định, câu phủ định.	7,9	
53	Trẻ kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	9	
54	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1-9	
55	Trẻ có thể kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe.	1-9	
56	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch	6	
57	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1	
58	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4	
3. Làm quen với việc đọc viết				
59	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn bảo vệ sách	4	
60	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- “Đọc” truyện qua tranh vẽ	2, 4->9	
61	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	1-9	
62	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành người cho người đi bộ...)	7	
63	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	+ Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt - Hướng dẫn đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ: đọc nghỉ sau các dấu - Tập tô đồ các nét chữ	8,9	
IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội				

1. Thể hiện ý thức về bản thân			
64	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.	2
65	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân	2
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
66	Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn các trò chơi, vật liệu chơi, màu vẽ, giấy vẽ...	3
67	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Thực hiện thu dọn đồ dùng đồ chơi hằng ngày, rửa và lau dọn đồ chơi vào những ngày cuối tuần, ngày lễ	3,2
68	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2
69	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	2,6
70	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
71	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kể chuyện về Bác hồ, về các sự tích, truyền thuyết có liên quan đến di tích lịch sử, các làng nghề - Nghe và hát các làn điệu dân ca	9
72	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
3. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
73	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)	1,3,7

74	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	3	
75	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	1	
76	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Chờ đến lượt, hợp tác.	1,2	
77	Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...)	- Quan tâm giúp đỡ bạn	1	
5. Quan tâm đến môi trường				
78	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6	
79	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	1	
80	Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa.	- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	6	
81	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	8	
V. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật				
82	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1-9	
83	Trẻ biết chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca)	1,5,9	
84	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm	- Cho trẻ quan sát và khuyến khích nói lên vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	3	

	nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	thiên nhiên trong cuộc sống về màu sắc, hình dáng... của tác phẩm tạo ra		
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				
85	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1 ->9	
86	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1->9	
87	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	1,3,4,6	
88	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Vẽ,tô màu phối hợp các đường, nét thẳng, xiên, xoay tròn để miêu tả sự vật hiện tượng	1,3,6,7	
89	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Xé, cắt,dán theo dải, đường thẳng, đường cong để tạo ra sản phẩm	2,4,5	
90	Trẻ biết làm lốm, đồ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Trẻ chơi và thao tác với đất nặn: + Làm bẹt viên đất, làm đồ bẹt, bẻ loe miệng, vuốt nhọn 1 đầu + Nặn bằng các đầu ngón tay, gắn chặt các bộ phận + Tạo cấu trúc của một vật theo trình tự hợp lý	2,5	
91	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	1-9	

92	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	4,6	
4. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật				
93	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	1,7	
94	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	1-9	
95	Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	4,8	
96	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình	6,7,8,9	

NGƯỜI LẬP

TỔ TRƯỞNG

BGH KÝ DUYỆT

Lò Thị Phụng

Lò Thị Thiện

Hoàng Thị Phần